

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2022.

*V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Triệu Đình Đường

2/ Ông Vũ Đình Hưng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Th**; sinh năm 1980.

* Bị đơn: Ông **Lê Quang M**; sinh năm 1966.

Đều có địa chỉ: Tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 26/01/2022, nguyên đơn bà Dương Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Quang M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trong

quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà và ông Lê Quang M đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Lê Quang M là vợ chồng.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà và ông M đã có 03 con chung, con lớn tên là Lê Thị Ng, sinh ngày 06/5/1997; con thứ hai tên là Lê Thị U, sinh ngày 03/01/1999; con thứ ba tên là Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007. Các con chung đều khỏe M và phát triển bình thường. Nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lê Quang M, thì bà có nguyện vọng về con chung như sau:

Đối với 02 con là Lê Thị Ng và Lê Thị U đều đã trên 18 tuổi, khỏe M bình thường, đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007 thì bà Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Đức A đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Th không yêu cầu ông Lê Quang M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại bản tự khai bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải ngày 26/01/2022, bị đơn ông Lê Quang M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Dương Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông và bà Th đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà Th là vợ chồng thì ông M hoàn toàn nhất trí.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, ông và bà Th đã có 03 con chung, con lớn tên là Lê Thị Ng, sinh ngày 06/5/1997; con thứ hai tên là Lê Thị U, sinh ngày 03/01/1999; con thứ ba tên là Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007. Các con chung đều khỏe M và phát triển bình thường.

Nếu Tòa án không công nhận ông với bà Dương Thị Th là vợ chồng thì ông M có nguyện vọng về con chung như sau:

Đối với 02 con là Lê Thị Ng và Lê Thị U đều đã trên 18 tuổi, khỏe M bình thường, đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007 thì ông M có nguyện vọng giao con cho bà Dương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, ông M và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2022 con chung Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007 trình bày: Hiện nay cháu đang sống với mẹ Dương Thị Th tại Tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Nếu bố mẹ không còn sống với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ Dương Thị Th để được chăm sóc tốt nhất.

Tại các Biên bản xác minh ngày 18/01/2022, tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M chung sống với nhau như vợ chồng tại tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà Th và ông M có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hiện nay bà Th và ông M đã sống ly thân nhưng đều là công dân cư trú tại tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên hòa giải các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề sau đây:

- *Về con chung:* Bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M có 03 con chung, con lớn tên là Lê Thị Ng, sinh ngày 06/5/1997; con thứ hai tên là Lê Thị U, sinh ngày 03/01/1999; con thứ ba tên là Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007. Các con chung đều khỏe M và phát triển bình thường. Hiện nay 02 con Lê Thị Ng và Lê Thị U đều đã trên 18 tuổi, khỏe M bình thường, đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên bà Th và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007, khi Tòa án tuyên bố bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M không phải là vợ chồng thì hai bên thỏa thuận giao con chung Lê Đức A cho bà Dương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9; **khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;** khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Th. Cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M.

+ Về con chung: Giao con chung là Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007 cho bà Dương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị Th không yêu cầu ông Lê Quang M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Quang M cư trú tại phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Dương Thị Th và bị đơn ông Lê Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*”. Vì vậy, quan hệ giữa bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo quy định của khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M xác nhận có 03 con chung, con lớn tên là Lê Thị Ng, sinh ngày 06/5/1997; con thứ hai tên là Lê Thị U, sinh ngày 03/01/1999; con thứ ba tên là Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007. Các con chung đều khỏe M và phát triển bình thường. Hiện nay 02 con Lê Thị Ng và Lê Thị U đều đã trên 18 tuổi, khỏe M bình thường, đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên bà Th và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007, bà Th và ông M thống nhất giao con chung Lê Đức A cho bà Dương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. (Phù hợp với nguyện vọng của con chung Lê Đức A).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th và ông M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; **khoản 1 Điều 14; Điều 15**; khoản 2 Điều 53; **Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**;

Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Th. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị Th và ông Lê Quang M: Giao con chung Lê Đức A, sinh ngày 31/7/2007 cho bà Dương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị Th phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002034, ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tp. Bắc Kạn;
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND phường S, TP BK
(Nơi ĐKKH);
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Yên Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn

